

Số: 4695/QĐ-UBND

Nam Sách, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trích ngân sách huyện nguồn tỉnh cấp, cấp bổ sung kinh phí cho các trường học, Trung tâm GDNN-GDTX thuộc huyện để thực hiện chi trả chế độ sự nghiệp giáo dục theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và bổ sung kinh phí thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bổ sung kinh phí để chi trả chế độ sự nghiệp giáo dục theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và bổ sung kinh phí thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương năm 2024 theo Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Hải Dương cho các huyện, thị xã, thành phố;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 162/TTr-TCKH ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích ngân sách huyện, số tiền: **1.894.211.000 đồng** (Một tỷ tám trăm chín mươi tư triệu hai trăm mười một nghìn đồng chẵn) từ nguồn tỉnh cấp, bổ sung cho các trường học, Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện để thực hiện chi trả chế độ sự nghiệp giáo dục theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và bổ sung kinh phí thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2024 theo Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Hải Dương cho các huyện, thị xã, thành phố.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm trích ngân sách và cấp số tiền trên vào tài khoản của các trường học, Trung tâm GDNN-GDTX có tên tại Điều 1 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện.

- Các trường học, Trung tâm GDNN-GDTX chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng số tiền được cấp theo đúng mục đích, quy định tại Điều 1 và đúng chế độ tài chính hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường học, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH. /



CHỦ TỊCH

Hồ Ngọc Lâm

Phụ lục

**BỔ SUNG KINH PHÍ HẰNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CHO GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS, TIỂU HỌC&THCS,
TRUNG TÂM GDNN-GNTX NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Nam Sách)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	1.894.211	
I	Các trường Tiểu học	534.822	
1	Mạc Thị Bưởi	13.371	
2	Nam Hưng	87.166	
3	Quốc Tuấn	18.163	
4	Nam Trung	4.139	
5	Hiệp Cát	79.037	
6	Thái Tân	63.720	
7	Nam Hồng	57.456	
8	An Sơn	47.965	
9	TT Nam Sách	5.329	
10	Phùng Văn Trinh	38.904	
11	An Lâm	16.425	
12	Cộng Hòa	31.014	
13	An Bình	40.148	
14	Hợp Tiến	31.985	
II	Các trường TH&THCS	100.060	
1	Nam Chính	24.610	
-	Tiểu học	6.616	
-	THCS	17.994	
2	Thanh Quang	4.101	
-	Tiểu học	2.079	
-	THCS	2.022	
3	Nguyễn Đức Sáu	39.375	
-	Tiểu học	31.210	
-	THCS	8.165	
4	Hồng Phong	13.152	
-	Tiểu học	11.088	
-	THCS	2.064	
5	Phú Điền	18.822	
-	TH	17.729	
-	THCS	1.093	
III	Các trường THCS	97.872	

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	Mạc Thị Bưởi	2.013	
2	Nam Hưng	11.317	
3	Quốc Tuấn	3.092	
4	Nam Trung	2.015	
5	Hiệp Cát	19.835	
6	Thái Tân	3.595	
7	Nam Hồng	7.418	
8	An Sơn	2.166	
9	TT Nam Sách	3.054	
10	Đông Lạc	3.742	
11	An Lâm	17.644	
12	Cộng Hòa	8.512	
13	An Bình	7.465	
14	Hợp Tiến	3.187	
15	Nguyễn Trãi	2.817	
IV	Các trường Mầm non	1.138.533	
1	Mạc Thị Bưởi	53.152	
2	Nam Hưng	103.918	
3	Quốc Tuấn	71.139	
4	Nam Trung	56.021	
5	Thanh Quang	54.105	
6	Nam Chính	45.948	
7	Hiệp Cát	49.310	
8	Thái Tân	54.256	
9	Nguyễn Đức Sáu	25.471	
10	Nam Hồng	56.593	
11	Hồng Phong	68.392	
12	An Sơn	52.394	
13	Thị trấn Nam Sách	73.035	
14	Đông Lạc	59.880	
15	Phú Điền	22.851	
16	An Lâm	64.943	
17	Cộng Hoà	68.321	
18	An Bình	60.109	
19	Hợp Tiến	98.695	
V	TRUNG TÂM GDNN-GDTX	22.924	